

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh sách cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng được nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung phụ cấp thâm niên nhà giáo trong quý IV năm 2023

Thực hiện Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nâng bậc lương thường xuyên hàng năm, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội;

Hội đồng nâng bậc lương quận Bắc Từ Liêm đã họp thống nhất thông qua danh sách 73 lượt cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng đủ điều kiện được nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo trong quý IV năm 2023 thuộc thẩm quyền nâng lương của UBND Quận.

Trên cơ sở thống nhất của Hội đồng nâng bậc lương, UBND Quận thông báo công khai danh sách 73 đồng chí được nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo trong quý IV năm 2023; cụ thể như sau:

- | | |
|---|--------|
| - Nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc: | 15 đ/c |
| - Nâng bậc lương thường xuyên: | 28 đ/c |
| - Nâng phụ cấp thâm niên vượt khung: | 03 đ/c |
| - Nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo: | 27 đ/c |

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

1. Thời gian công khai: Từ ngày 09/01/2024 đến hết ngày 17/01/2024.

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết tại trụ sở UBND Quận
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Quận: bactuliem.hanoi.gov.vn
- Gửi qua phần mềm quản lý văn bản để các đơn vị được biết và thông báo cho cá nhân được nâng bậc lương, phụ cấp trong quý IV năm 2023.

UBND Quận thông báo để các cơ quan, đơn vị và cá nhân biết. Trong quá trình công khai, mọi ý kiến phản ánh liên quan đến việc nâng bậc lương, phụ cấp được gửi về UBND Quận (qua phòng Nội vụ) để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND Quận;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Quận;
- Các trường MN, TH, THCS thuộc Quận;
- UBND các phường;
- Lưu VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tuyên

DANH SÁCH
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN QUÝ IV NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số 24/TB-UBND ngày 09/01/2024 của UBND Quận)

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên nghiệp vụ được	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc lương năm 2023				Thành tích	Số tháng được nâng trước thời hạn	Ghi chú
		Nam	Nữ				Mã ngạch	Bậc hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Thời điểm được xếp	Mã ngạch	Bậc sau nâng	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau			
I	KHỐI PHƯỜNG																
1	Nguyễn Thị Mai Hương		1971	Đại học	Chủ tịch hội LHPN	UBND phường Minh Khai	01.003	3	3,00	01/11/2021	01.003	4	3,33	01/11/2023	Bằng khen của chủ tịch UBND TP Hà Nội tháng 6/2023	12 tháng	
2	Lưu Thành Đạt	1990		Thạc sỹ	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND phường Cổ Nhuế 2	01.003	3	3,00	13/10/2021	01.003	3	3,33	13/10/2023	Bằng khen của chủ tịch UBND TP Hà Nội năm 2022	12 tháng	
III	KHỐI GIÁO DỤC:																
1	Lâm Hương Giang		1986	Đại học	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Phúc Diễn	V.07.04.31	1/8	4,00	01/4/2021	V.07.04.31	2/8	4,34	01/4/2023	Năm 2023: Tặng Bằng khen Chủ tịch UBND TP Hà Nội	12 tháng	
2	Lê Phương Dung		1982	Đại học	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Phúc Diễn	V.07.04.32	3/9	3,00	15/9/2021	V.07.04.32	4/9	3,33	15/9/2023	Năm 2023: Tặng Bằng khen Chủ tịch UBND TP Hà Nội	12 tháng	
3	Nguyễn Quỳnh Anh		1982	Đại học	Phó Hiệu trưởng	Trường THCS Xuân Đình	V.07.04.31	1/8	4	01/04/2021	V.07.03.31	2/8	4,34	01/10/2023	Năm 2023: Chiến sỹ thi đua cơ sở cấp Quận	06 tháng	
4	Đỗ Minh Trang		1981	Tiến sỹ	Phó Hiệu trưởng	Tiểu học Liên Mạc	V.07.03.29	5/9	3,66	01/4/2021	V.07.03.29	6/9	3,99	01/10/2023	Năm học 2022- 2023: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	6 tháng	
5	Nguyễn Thị Hương		1971	Đại học	Hiệu trưởng	Tiểu học Đông Ngạc A	V.07.03.28	4/8	5,02	01/9/2021	V.07.03.28	5/8	5,36	01/9/2023	Năm 2021: Bằng khen của Chủ tịch UBND TP	12 tháng	
6	Lê Thị Huệ		1974	Đại học	Phó Hiệu trưởng	Tiểu học Tây Tựu B	V.07.03.28	3/8	4,68	01/01/2021	V.07.03.28	4/8	5,02	01/7/2023	Năm học 2021- 2022: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	6 tháng	
7	Bùi Thị Bằng		1978	Đại học	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Cổ Nhuế 1	V.07.02.26	5/10	3,34	01/5/2020	V.07.02.26	6/10	3,65	01/5/2022	Năm 2021: Bằng khen của Chủ tịch UBND TP	12 tháng	
8	Trần Thị Kim Yến		1969	Đại học	Hiệu trưởng	Mầm non Tây Tựu	V.07.02.26	9/10	4,58	01/4/2021	V.07.02.26	10/10	4,89	01/10/2023	Năm học 2022- 2023: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	6 tháng	
9	Đỗ Thị Bích Ngọc		1981	Đại học	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Tây Tựu	V.07.02.26	5/10	3,34	01/2/2021	V.07.02.26	6/10	3,65	01/8/2023	Năm học 2022- 2023: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	6 tháng	

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên nghiệp vụ được	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc lương năm 2023				Thành tích	Số tháng được nâng trước thời hạn	Ghi chú
		Nam	Nữ				Mã ngạch	Bậc hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Thời điểm được xếp	Mã ngạch	Bậc sau nâng	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau			
10	Phan Vũ Lan Anh		1976	Đại học	Hiệu trưởng	Mầm non Liên Mạc	V.07.02.26	7/10	3,96	01/4/2021	V.07.02.26	8/10	4,27	01/10/2023	Năm học 2021- 2022: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	6 tháng	
11	Trần Thị Kim Thu		1974	Đại học	Hiệu trưởng	Mầm non Đông Ngạc B	V.07.02.26	9/10	4,58	01/6/2021	V.07.02.26	10/10	4,89	01/12/2023	Năm học 2021- 2022: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	6 tháng	
12	Vũ Thị Gấm		1972	Đại học	Hiệu trưởng	Mầm non Đông Ngạc A	V.07.02.26	9/10	4,58	01/4/2021	V.07.02.26	10/10	4,89	01/10/2023	Năm học 2022- 2023: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	6 tháng	
13	Nguyễn Kim Quy		1980	Đại học	Hiệu trưởng	Mầm non Phú Diễn A	V.07.02.26	6/10	3,65	01/5/2021	V.07.02.26	7/10	3,96	01/5/2023	Năm 2021: Bằng khen của Chủ tịch UBND TP	12 tháng	

(Danh sách trên có 15 người)

DANH SÁCH
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỀ NGHỊ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN QUÝ IV NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số 24/TB-UBND ngày 06/01/2024 của UBND Quận)

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên nghiệp vụ được	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc lương quý IV năm 2023				Ghi chú
		Nam	Nữ				Mã ngạch	Bậc hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Thời điểm được xếp	Mã ngạch	Bậc sau nâng	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	
I	KHỐI QUẬN														
1	Trần Thị Kiều Anh		1996	Đại học	Chuyên viên	Đội quản lý TTXD Đô thị	01.003	1/9	2.34	01/11/2020	01.003	2/9	2.67	01/11/2023	
2	Phạm Như Hoa		1996	Đại học	Chuyên viên	Đội quản lý TTXD Đô thị	01.003	1/9	2.34	01/11/2020	01.003	2/9	2.67	01/11/2023	
3	Hoàng Thanh Tùng		1994	Đại học	Chuyên viên	Đội quản lý TTXD Đô thị	01.003	1/9	2.34	01/11/2020	01.003	2/9	2.67	01/11/2023	
4	Phạm Minh Việt	1986		Đại học	Chuyên viên	Đội quản lý TTXD Đô thị	01.003	4/9	3.33	01/11/2020	01.003	5/9	3.66	01/11/2023	
5	Ngô Lý Năng	1975		Đại học	Chuyên viên	Đội quản lý TTXD Đô thị	01.003	5/9	3.66	01/11/2020	01.003	6/9	3.99	01/11/2023	
6	Nguyễn Văn Trung	1973		Đại học	Chuyên viên	Đội quản lý TTXD Đô thị	01.003	5/9	3,66	01/11/2020	01.003	6/9	3,99	01/11/2023	
7	Nguyễn Tuấn Việt			Đại học	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên MT	01.003	1/9	2.34	01/11/2020	01.003	2/9	2.67	01/11/2023	
8	Ngô Văn Đạo			Đại học	Chuyên viên	Phòng Tài nguyên MT	01.003	5/9	3.66	01/10/2020	01.003	6/9	3.99	01/10/2023	
9	Hoàng Thị Thủy		1973	Đại học	Chánh Thanh tra	Thanh tra Quận	04,024	3	5,08	01/11/2020	04,024	4	5,42	01/11/2023	
10	Nguyễn Minh Huệ		1991	Đại học	Chuyên viên	Phòng Tư pháp	01,003	3/9	3	01/10/2020	01,003	4/9	3,33	01/10/2023	
11	Nguyễn Hồng Thủy		1992	Đại học	Chuyên viên	Văn phòng HĐND-UBND	01,003	1/9	2,34	01/11/2020	01,003	2/9	2,67	01/11/2023	
II	KHỐI PHƯỜNG														
1	Nguyễn Thị Bình		1970	Đại học	Phó Bí thư Đảng ủy	Phường Phú Diễn	01,003	5	3,66	01/6/2020	01,003	6	3,99	01/12/2023	Kéo dài thời gian nâng lương 6 tháng do bị kỷ luật Khiển trách theo Quyết định số 7027/QĐ-UBND ngày 21/12/2020.
2	Nguyễn Thị Mai Hương		1973	Đại học	Công chức Tư pháp - hộ tịch	UBND phường Phú Diễn	01,003	5	3,66	01/10/2020	01,003	6	3,99	01/10/2023	
3	Cao Thị Thùy Trang		1982	Đại học	Công chức Văn phòng- Thống kê	UBND phường Phú Diễn	01,003	4	3,33	01/11/2020	01,003	5	3,66	01/11/2023	
4	Đinh Ngọc Bình	1967		Đại học	Công chức Tư pháp Hộ tịch	UBND phường Liên Mạc	01.003	5	3,66	01/11/2020	01.003	6	3,99	01/11/2023	
5	Đặng Văn Sơn	1983		Thạc sĩ	Phó Bí thư TT Đảng ủy	Phường Xuân Tảo	01,003	4	3,33	01/11/2020	01,003	5	3,66	01/11/2023	
6	Lê Hải Sơn	1972		Thạc sỹ	Phó CT UBND phường	UBND phường Xuân Tảo	01,003	8	4.65	01/12/2020	01,003	9	4,98	01/12/2023	

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên nghiệp vụ được	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc lương quý IV năm 2023				Ghi chú
		Nam	Nữ				Mã ngạch	Bậc hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Thời điểm được xếp	Mã ngạch	Bậc sau nâng	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau	
7	Phạm Thị Diễm Hằng		1976	Thạc sỹ	Phó CT UBND phường	UBND phường Đức Thắng	01.003	5	3,66	01/10/2020	01.003	6	3,99	01/10/2023	
8	Đặng Trần Phi	1980		Thạc sỹ	Chủ tịch UBND phường	UBND phường Đức Thắng	01.003	3	3	01/12/2020	01.003	4	3,33	01/12/2023	
9	Chu Minh Thúy		1991	Đại học	Chủ tịch hội LHPN phường	UBND phường Đức Thắng	01.003	3	3	01/11/2020	01.003	4	3,33	01/11/2023	
10	Ngô Ngọc Trường		1976	Đại học	Văn phòng-Thống kê	UBND phường Thượng Cát	01.003	5	3,66	01/10/2020	01.003	6	3,99	01/10/2023	
11	Lưu Đức Chính	1983		Thạc sỹ	CC ĐC-XD-MT & ĐT	UBND phường Thụy Phương	01.003	4	3,33	13/11/2020	01.003	5	3,99	13/11/2023	
12	Nguyễn Văn Tiến	1978		Đại học	Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự phường	Phường Thụy Phương	01.004	6	2,86	01/10/2021	01.004	7	3,06	01/10/2023	
13	Nguyễn Mạnh Cường	1985		Thạc sỹ	Phó Chủ tịch UBND phường	UBND phường Cổ Nhuế 1	01.003	1	2,34	21/12/2020	01.003	2	2,67	21/12/2023	
14	Ngô Phương Chi		1985	Đại học	Công chức Văn phòng - Thống kê	UBND phường Cổ Nhuế 1	01.003	1	2,34	14/10/2020	01.003	2	2,67	14/10/2023	
15	Nguyễn Minh Tuấn	1977		Cử nhân Luật	Công chức Tư pháp Hộ tịch	UBND phường Tây Tựu	01.003	5	3.66	01/10/2020	01.003	6	3.99	01/10/2023	
III KHỐI GIÁO DỤC:															
1	Nguyễn Thị Hương Giang		1983	Đại học	Phó Hiệu trưởng	THCS Cổ Nhuế 2	V.07.04.10	1/8	4,00	01/11/2018	V.07.04.10	2/8	4,34	01/11/2021	
2	Lê Thị Hời		1981	Đại học	Hiệu trưởng	Mầm non Cổ Nhuế 1	V.07.02.26	5/10	3,34	01/11/2019	V.07.02.26	6/10	3,65	01/11/2022	

(Danh sách trên có 28 người)

DANH SÁCH
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỀ NGHỊ NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG

(Kèm theo Thông báo số 24/TB-UBND ngày 03/01/2024 của UBND Quận)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên nghiệp vụ được	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc lương năm 2023			
		Nam	Nữ				Mã ngạch	Bậc hiện giữ	Hệ số lương hiện hưởng	Thời điểm được xếp	Mã ngạch	Bậc sau nâng	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc lần sau
I	KHỐI QUẬN													
1	Nguyễn Thị Hương		1973	Tiến sỹ	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và đào tạo	01,003	9	4.98*6%	01/11/2022	01.003	9	4.98*7%	01/11/2023
2	Đoàn Văn Quảng	1963		Trung cấp	Cán sự	Đội quản lý TTXD Đô thị	01.004	12/12	4.06	01/11/2021	01.004	12/12	4.06*5%	01/11/2023
3	Dương Xuân Kiều	1973		Sơ cấp	Nhân viên	Đội quản lý TTXD Đô thị	01.005	12/12	4.03	01/10/2021	01.005	12/12	4.03*5%	01/10/2023

(Danh sách trên có 03 người)

DANH SÁCH HIỆU TRƯỞNG, HIỆU PHÓ
ĐỀ NGHỊ NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO QUÝ IV NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số 24/TB-UBND ngày 09/01/2024 của UBND Quận)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	Trước khi tăng PCTNNG		Sau khi tăng PCTNNG		Ghi chú
						% TNNG	Thời gian hưởng	% TNNG	Thời gian hưởng	
1	2	3				8	9	10	11	
	TH Hồ Tùng Mậu									
1	Nguyễn Thị Thuý Hằng	1972	V.07.03.28	4	5.02	27%	01/11/2022	28%	01/11/2023	
	TH Văn Tiến Dũng									
2	Hồ Thị Hường	1976	V.07.03.29	8	4.65	23%	01/10/2022	24%	01/10/2023	
	TH Tây Tựu A									
3	Trần Thị Khánh Hiền	1972	V.07.03.28	4	5.02	27%	01/11/2022	28%	01/11/2023	
	TH Phúc Diễn									
4	Nguyễn Thị Hạnh	1976	V.07.03.29	5	3.33	6%	01/9/2022	7%	01/9/2023	
	MN Xuân Tảo									
5	Phan Thị Xuân Hương	1969	V.07.02.26	10	4.89	26%	01/12/2022	27%	01/12/2023	
	MN Thượng Cát									
6	Nguyễn Thị Ngà	1978	V.07.02.26	8	4,27	21%	01/10/2022	22%	01/10/2023	
	MN Tây Tựu									
7	Trần Thị Kim Yên	1969	V.07.02.26	9	4.58	26%	01/12/2022	27%	01/12/2023	
8	Đỗ Thị Bích Ngọc	1981	V.07.02.26	5	3.34	15%	01/10/2022	16%	01/10/2023	
9	Nguyễn Thị Thúy Hương	1979	V.07.02.26	5	3.34	18%	01/10/2022	19%	01/10/2023	
	MN Đông Ngạc B									
10	Trần Thị Kim Thu	1974	V.07.02.26	9	4.58	24%	01/10/2022	25%	01/10/2023	
	MN Xuân Đình A									
11	Nguyễn Thị Tố Uyên	1976	V.07.02.26	9	4.58	23%	01/10/2022	24%	01/10/2023	
	MN Kiều Mai									
12	Nguyễn Thị Lý	1984	V.07.02.26	5	3.34	17%	01/10/2022	18%	01/10/2023	
	MN Phú Diễn A									
13	Lê Thị Luận	1984	V.07.02.26	5	3,34	15%	01/12/2022	16%	01/12/2023	

	THCS Phúc Diễn									
14	Lê Phương Dung	1982	V.07.04.32	3	3,0	17%	01/11/2022	18%	01/11/2023	
	THCS Đức Thắng									
15	Nguyễn Thị Thịnh	1976	V.07.04.32	8	4,65	24%	01/10/2022	25%	'01/10/2023	
	THCS Minh Khai									
16	Trần Thị Kim Dung	1977	V.07.04.31	4	5,02	23%	01/10/2022	24%	01/10/2023	
17	Hoàng Thị Tổ Oanh	1975	V.07.04.31	4	5,02	22%	01/11/2022	23%	01/11/2023	
	THCS Liên Mạc									
18	Nguyễn Ngọc Anh	1975	V.07.04.31	4	5,02	24%	'01/10/2022	25%	01/10/2023	
19	Phùng Thị Nhân	1977	V.07.04.32	8	4,65	23%	01/10/2022	24%	01/10/2023	
	THCS Cổ Nhuế 2									
20	Bùi Anh Tuấn	1972	V.07.04.31	4	5,02	27%	01/12/2022	28%	01/12/2023	
21	Nguyễn Thị Hương Giang	1983	V.07.04.10	1	4,00	16%	'01/11/2022	17%	01/11/2022	
	THCS Đông Ngạc									
22	Nguyễn Thị Thu Hiền	1970	V.07.04.10	5	5,36	25%	01/12/2022	26%	01/12/2023	
	THCS Xuân Đình									
23	Nguyễn Thị Phụng	1973	V.07.04.31	1	4,00	20%	01/12/2022	21%	01/12/2023	
	THCS Phú Diễn									
24	Phí Thị Thanh	1973	V.07.04.10	4	5,02	25%	'01/12/2022	26%	01/12/2023	
25	Lê Thanh Hà	1987	V.07.04.32	5	3,66	11%	01/08/2022	12%	01/08/2023	
	THCS Phú Diễn A									
26	Vũ Thị Minh Ngân	1972	V.07.04.31	4	5,02	26%	'01/10/2022	27%	01/10/2023	
	THCS Thượng Cát									
27	Nguyễn Thị Hào	1974	V.07.04.32	8	4,65	25%	'01/12/2022	26%	'01/12/2023	

(Danh sách trên có 27 người)

